

Số: 1236/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 25 tháng 09 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 631/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1990;

- Bà Lê Thị Út E, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số xx đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Út E là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 304/2011 quyển số 02/2011 đăng ký ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 20 tháng 05 năm 2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 09 năm 2020 ông N và bà E yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Phạm Lê Như Y, sinh ngày

05/05/2012 và Phạm Lê Thiên C, sinh ngày 15/04/2017. Hai bên thỏa thuận mỗi người nuôi một trẻ. Ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Như Y đến tuổi trưởng thành, bà E là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thiên C đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con Phạm Lê Như Y. Ông N cấp dưỡng nuôi con Phạm Lê Thiên C mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Bắt đầu thực hiện từ tháng 10 năm 2020.

- Về tài sản chung: Ông N và bà E khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông N và bà E thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Út E thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 304/2011 quyển số 02/2011 đăng ký ngày 14 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F hết hiệu lực kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 người con chung:

+ Ông Phạm Văn N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Như Y, sinh ngày 05/05/2012 đến tuổi trưởng thành.

+ Bà Lê Thị Út E là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phạm Lê Thiên C, sinh ngày 15/04/2017 đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con trẻ Phạm Lê Như Y. Ông N cấp dưỡng nuôi con trẻ Phạm Lê Thiên C mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Bắt đầu thực hiện từ tháng 10 năm 2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan

thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N, bà E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở,

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có tài sản chung nên không xét.

**2.** Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Văn N và bà Lê Thị Út E mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông N và bà E đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2019/0026237 ngày 01 tháng 06 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**



